TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 63/2020/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 14 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 18, xã H, huyện TT, tỉnh P.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu 18, xã H, huyện TT, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị P và anh Đ đều xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, cháu Nguyễn Như B.

Cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 14/12/1998 đã trưởng thành, có công việc ổn định nên anh Đ và Chị P không có đề nghị gì.

Giao cho Chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Như B, sinh ngày 05/11/2012 kể từ ngày 14/7/2020 cho đến khi cháu thành niên;

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Chị P và anh Đ thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phượng tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001742 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P. Chị P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện TT
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú